

Bản án số: 201/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
“Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công ki vụ án thụ lý số 464/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp hôn nhân và gia đình “*Xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1978, nơi cư trú: tổ 01, ấp Hưng Thạnh, xã Phú Hưng, huyện Phú T, An Giang.

Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ 04, ấp Hậu Giang 2, xã T Hoà, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(anh K có đơn xin vắng mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bảng tự khai nguyên đơn anh K trình bày:

Về hôn nhân: cả hai do tìm hiểu quen biết nhau một thời gian, được cha mẹ chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 2000, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm từ những việc nhỏ nhất

trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng cự cãi nhau, vì thương con anh cố chịu đựng đi làm để lo cho con, kéo dài đến tháng 4 năm 2022 thì N bỏ đi, thời gian đầu thì nói đi làm ăn để kiếm tiền lo cho con, nhưng dần dần thì không còn liên lạc với nhau, vợ chồng ly thân từ thời gian đó. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, yêu cầu ly hôn với Trần Thị N.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Bảo Thiện, sinh ngày 10/11/2000 và Trần Thị Kim Tiền, sinh ngày 20/12/2005. Con chung đang sống với anh K, nay ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày và không tiến hành hoà giải. Không ghi nhận được ý kiến.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ thái độ chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về nội dung:

Cả hai tự tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do các bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Về con chung, các cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với cha, để giữ ổn định lứa trẻ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao các cháu cho cha nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh K có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên, chị N đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 4, ấp Hậu Giang 2, xã T Hòa, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên anh K khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú T theo quy định tại Điều 28 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa anh Trần Văn K và chị Trần Thị N tự tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận rồi tiến tới hôn nhân, không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra.

Anh K cho rằng chị N không quan tâm chăm sóc gia đình, cuộc sống không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn gia đình, ly thân từ năm 2022 và giữa hai bên không có biện pháp hàn gắn, suốt quá trình tố tụng chị N cũng vắng mặt không có lý do, cho thấy tình cảm giữa vợ, chồng đã trầm trọng, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K yêu cầu ly hôn. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận vì hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó để cho cả hai có cuộc sống riêng, nên HĐXX không công nhận giữa anh chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: có 2 con chung hiện đang sống với anh K, tiếp tục giao anh K nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian nuôi con, anh K phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị N khi đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ phải thu: Quá trình làm việc, anh K không yêu

cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ phải trả: Các đương sự kì không có, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: anh K là người xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 51, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn K và chị Trần Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Bảo Thiện, sinh ngày 10/11/2000 và Trần Thị Kim Tiền, sinh ngày 20/12/2005 cho anh Trần Văn K được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến thành niên hoặc tự lập được. Chị Trần Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ: Không yêu cầu.

Án phí: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005800 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T. Chị Trần Thị N không phải chịu án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú T;
- Chi cục THADS huyện Phú T;
- UBND xã T Hòa
- UBND xã Phú Hưng
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Bảo Ngọc